TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02/2020/QĐST–DS	*Lâm Đồng, ngày 23 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Phùng Thị Hoài Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

- Căn cứ các Điều 157, 165, 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số 56/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp: "Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, yêu cầu hủy Quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức".

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bế Thanh V, sinh năm: 1987; cư trú tại số 137, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm: 1953; cư trú tại số 136, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Võ Văn H, sinh năm: 1956, Văn phòng luật sư Võ Văn H - Đoàn luật sư tỉnh L; địa chỉ: số 27, đường T, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Đỗ Thị Kim H, sinh năm: 1985; cư trú tại số 137, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2/ Chị Giắn Chăn Ph, sinh năm: 1990; cư trú tại số 136, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

3/ Chị Giắn Chăn Dz, sinh năm: 1996; cư trú tại số 136, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Chị Giắn Chăn Ph, sinh năm: 1990; cư trú tại số 136, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 0786, quyển số 14-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng N chứng thực ngày 14/5/2020), có mặt.

4/ Chị Giắn Hồng L, sinh năm: 1988; cư trú tại số 136, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Chị Giắn Chăn Ph, sinh năm: 1990; cư trú tại số 136, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 0787, quyển số 14-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng N chứng thực ngày 14/5/2020), có mặt.

5/ Chị Giắn Mãn M, sinh năm: 1983; cư trú tại số 136, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Chị Giắn Chăn Ph, sinh năm: 1990; cư trú tại số 136, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 0963, quyển số 14-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng N chứng thực ngày 08/6/2020), có mặt.

6/ Chị Giắn Mỹ L, sinh năm: 1992; cư trú tại số 136, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị N, sinh năm: 1953; cư trú tại số 136, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo pháp luật (mẹ), có mặt.

7/ Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông Nguyễn Văn H, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

+ Ông Nguyễn Thanh T, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 01/UQ-UBND ngày 23/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng), có mặt.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Giấy bán đất) giữa Bà Trần Thị N và Anh Bế Thanh V lập ngày 02/8/2017 đối với lô diện tích đất 175m^2 thuộc thửa 411, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Trần Thị N có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng Anh Bế Thanh V, Chị Đỗ Thị Kim H số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng), thời hạn trả vào ngày 14/7/2020.

2.2. Hủy Văn bản phân chia tài sản thừa kế do Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chứng thực số 128, quyển số 01/2017 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 20/10/2017 đối với lô đất có diện tích 3.020m^2 thuộc thửa 411, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số P335404 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp cho hộ ông (bà) Trần Thị N ngày 14/10/1999).

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng căn cứ vào Quyết định của Tòa án để xóa điều chỉnh đăng ký biến động sang tên Bà Trần Thị N tại trang 4 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vừa nêu.

2.3. Về chi phí tố tụng:

Vợ chồng Anh Bế Thanh V, chị Đỗ Thị Kim H và Bà Trần Thị N mỗi bên phải chịu 6.332.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá. Bà N phải thanh toán lại cho vợ chồng anh V, chị H 6.332.000đ (sáu triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng), thời hạn trả vào ngày 14/7/2020.

2.4. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho Bà Trần Thị N.

Vợ chồng Anh Bế Thanh V, Chị Đỗ Thị Kim H được nhận lại số tiền 11.600.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004936 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Chị Giấn Hồng L phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001965 ngày 21/4/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng. Chị L đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV &THA;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự (09);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN–CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Huỳnh Châu Thạch